

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2024/DS-ST

Ngày: 21/02/2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Phước Tân;

2. Phan Công Văn.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện viên kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Bà **Lâm Thị Thanh T** – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 364/2023/TLST – DS ngày 14 tháng 12 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định xét xử số: 73/2024/QĐXXST - DS ngày 31/01/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty T1**. Địa chỉ trụ sở: **Lầu A Tòa nhà C, 7 N, phường V, Quận C, TP .**

Người đại diện theo pháp luật là ông **T2** – chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền là bà **Trần Việt N**, chức vụ: Phó bộ phận cấp cao Bộ phận quản lý, Công nợ, theo văn bản ủy quyền số 17/2023/UQ-JIVF ngày 19/9/2023 của Tổng giám đốc.

Người nhận ủy quyền lại là ông **Trần Minh H**, sinh năm 1990 – chức vụ: Nhân viên quản lý công nợ JIVF. Địa chỉ liên hệ: **Lầu A Tòa nhà C, 7 N, phường V, Quận C, TP ..**

Bị đơn: Ông **Đỗ Thanh H1**, sinh năm 1979, cư trú: **ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang**

(Tại phiên tòa ông **H** có mặt; ông **H1** vắng có đơn)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đại diện nguyên đơn ông **Trần Minh H** trình bày:

Ngày 01/12/2022, ông **Đỗ Thanh H1** ký hợp đồng với **Công ty J** số 915500003473280000 để vay 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) để mua xe máy cũ, hình thức trả góp hàng tháng với số tiền 1.642.908đ vào trước hoặc đúng ngày cuối hàng tháng cho đến khi kết thúc hợp đồng bắt đầu từ ngày 03/01/2023, thời gian vay 12 tháng, lãi suất vay 4,3500%.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, từ ngày 03/01/2023 đến nay, ông **H1** không thực hiện nghĩa vụ thanh toán dù nhân viên Công ty đã nhiều lần liên hệ và đến nhà làm việc.

Nhận thấy việc ông **H1** không thanh toán đã vi phạm vào Điều 3, Điều 8 hợp đồng hai bên đã ký kết, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của JIVF. Do đó, JIVF khởi kiện yêu cầu ông **H1**:

1. Phải thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ cho JIVF với số tiền gốc 15.000.000đ, lãi 8.336.305đ, lãi quá hạn 1.744.512đ, phí quản lý khoản vay 48.000đ tính đến ngày 08/01/2023 với tổng số tiền 25.254.817đ.

2. Tiếp tục phải chịu tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn, lãi quá hạn, các loại phí từ ngày 08/01/2023 cho đến khi ông **H1** thanh toán dứt nợ theo hợp đồng số 915500003473280000 được ký vào ngày 01/12/2022.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 31/01/2024, ông **Đỗ Thanh H1** trình bày:

Ông thừa nhận có nợ như đơn khởi kiện phía nguyên đơn. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông đã thanh toán được 04 (bốn) lần cho phía nguyên đơn nhưng không nhớ cụ thể số tiền là bao nhiêu, chứng từ đã thất lạc. Ông sẽ cung cấp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 31/01/2024.

Hiện nay hoàn cảnh hiện khó khăn, không thể thanh toán một lần nên xin trả dần, miễn lãi suất và khoanh nợ với số tiền 25.254.817đ cụ thể như sau:

- Tháng 5/2024 trả 10.000.000đ;
- Tháng 8/2024 trả phần còn lại.

Ngày 31/01/2024, ông **Đỗ Thanh H1** có đơn xin vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên tòa.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Tại phiên tòa hôm nay, ông **H** giao nộp Bản tự khai về nội dung khởi kiện, lịch sử thanh toán chi tiết, bản kê khai tiền lãi chi tiết, bản kê khai tiền lãi quá hạn tính đến ngày 21/02/2024. Đồng thời, ông **H** giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu.

Riêng ông **H1** đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, tiến hành thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật, bảo đảm đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự; Thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi.

Về nội dung:

.....
.....
.....
.....
.....
.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: **Cty** tài chính khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông **Đỗ Thanh H1** thanh toán tổng số tiền gốc lãi đến ngày 21/02/2024 là 25.254.817đ nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” là phù hợp theo quy định tại khoản 2, khoản 9, Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Khoản 2, Điều 14, Điều 5, Điều 6, Điều 365 và Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về thời hiệu, thẩm quyền giải quyết:

Theo hợp đồng tín dụng ngày 01/12/2022 giữa **C** và ông **H1** ký kết thì thời hạn vay 12 tháng, trong quá trình thực hiện hợp đồng ông **H1** không thanh toán vốn gốc và lãi suất. Ngày 08/01/2024, phía **Cty** tài chính khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 154 và Điều 429 Bộ luật dân sự 2015 thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

Ông **H1** hiện có địa chỉ nơi đăng ký thường trú tại **xã P, huyện A**. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, An Giang.

[3] Về tư cách tham gia tố tụng: Trong vụ án này do **C** khởi kiện ông **H1** nên xác định **Cty** tài chính là nguyên đơn, ông **H1** là bị đơn; việc ủy quyền của bà **H2** với ông **Trần Minh H** là đúng quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 68, Điều 87 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa hôm nay ông **H1** được tổng đạt hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông là đúng quy định.

[5] Về nội dung vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, hai bên thống nhất nội dung hợp đồng tín dụng về thời gian vay, số tiền vay, lãi suất vay và số tiền còn nợ lại. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định giữa ông **Đỗ Thanh H1** có ký kết hợp đồng vay với **C** như đơn khởi kiện đã thể hiện.

Căn cứ Điều 463, 465, 466 Bộ luật dân sự 2015 quy định nghĩa vụ trả nợ của bên vay là trả đủ tiền và đúng hạn. Tuy nhiên, đã quá thời hạn thanh toán theo thỏa thuận mà ông **H1** không trả nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông **H1** trình bày đã thực hiện thanh toán cho phía nguyên đơn 04 lần nhưng không nhớ số tiền cụ thể bao nhiêu, chứng từ đã thất lạc cần có thời gian tìm lại.

Tòa án cho ông thời hạn 15 ngày kể từ ngày 31/01/2024 để giao nộp các chứng cứ nêu trên nhưng đến hôm nay ông không phản hồi nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét cho ông.

Tại phiên tòa, phía nguyên đơn trình bày không ghi nhận được việc thanh toán như ông **H1** trình bày và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc 15.000.000đ, lãi trong hạn 8.366.305đ, lãi quá hạn 1.744.512đ, **phí quản lý khoản vay 144.000đ** là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kể từ ngày tuyên án (21/02/2024) ông **H1** còn phải chịu lãi phát sinh do nợ quá hạn, lãi quá hạn, các loại phí cho đến khi ông **H1** thanh toán dứt nợ theo hợp đồng số 915500003473280000 được ký vào ngày 01/12/2022.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí.

Ông **H1** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 161, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 288, 429, 463, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, khoản 2 Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của **Công ty T1** JACCS.

Buộc ông **Đỗ Thanh H1** phải thanh toán số tiền 25.254.817đ (trong đó vốn gốc 15.000.000đ, lãi trong hạn 8.366.305đ, lãi quá hạn 1.744.512đ, **phí quản lý khoản vay 144.000đ**)

Kể từ ngày tuyên án (21/02/2024) ông **H1** còn phải chịu lãi phát sinh do nợ quá hạn, lãi quá hạn, các loại phí cho đến khi ông **H1** thanh toán dứt nợ theo hợp đồng số 915500003473280000 được ký vào ngày 01/12/2022.

2. Về án phí:

Ông **Đỗ Thanh H1** phải chịu **1.262.741đ** án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty T1 JACCS được nhận lại số tiền 608.000đ tạm ứng án phí theo biên lai tạm ứng án phí số 0009167 ngày 12/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Phú.

Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 21/02/2024); các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

(Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.).